

Bản án số: 52/2019/HS-ST
Ngày 14/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Nhật Tân
2. Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N - sinh ngày 06 tháng 7 năm 1986 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: thuê nhà trọ tại thôn Lại Xá, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ V, sinh năm 1962 (hiện đang thi hành án tại Trại giam Ninh Khánh) và bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Q), sinh năm 1960; có chồng là Hoàng Văn Q, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh ngày 17/12/2016; Tiền án: Bản án số 67/HSST ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tuyên bố Nguyễn Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xử phạt 09 tháng tù kể từ ngày bắt thi hành án; tiền sự: không.

Nhân Thân: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học đến lớp 9/12, sau nghỉ học ở nhà lao động tự do. Ngày 05/5/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Ngày 01/8/2011, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt quả tAg, bị tạm giữ từ ngày 08/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn và bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 15/7/2019, Công A huyện T, tỉnh Thái Bình ra quyết định số 01 áp giải thi hành án, hiện bị cáo đAg chấp hành án tại Trại giam ThAh Phong.

Ngày 10/9/2019, bị cáo bỏ trốn khỏi trại giam ThAh Phong. Ngày 13/9/2019, Tổ công tác của Trại giam ThAh Phong bắt được bị cáo tại xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Vụ việc được các cơ quA tiến hành tố tụng huyện Nông Cống, tỉnh ThAh Hóa thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Hiện bị cáo đAg chấp hành án tại Trại giam ThAh Phong - Bộ Công A. (bị cáo được trích xuất có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đông Thượng Liệt, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1962 (có mặt)

+ Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 (con dâu bà N) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đều cư trú tại: thôn Dục Linh 2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quA:

Ah Hoàng Văn Q – sinh 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

- Người làm chứng (vắng mặt)

Ông Vũ Đức K, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Dục Linh 2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời giA từ cuối tháng 6 và đến đầu tháng 7 năm 2019, Nguyễn Thị N đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 6/2019, Nguyễn Thị N làm quen với bà Phạm Thị L, sinh năm 1964, trú tại thôn Đông Thượng Liệt, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. N kể với bà L là N thường đi cúng lễ ở nhiều nơi; bà L kể với N, bà có con dâu là Lê ThAh Nhân sinh năm 1992 đAg mAg thai sắp đẻ. Khoảng 08h ngày 03/7/2019, N sử dụng số điện thoại 0327904292 của mình gọi vào số điện thoại 0984252644 của bà L, tự xưng là mẹ đẻ của chị Nhân và nói với bà L “Em đi xem thầy bói, thầy nói cháu sinh nở khó khăn, bây giờ muốn sinh nở dễ dàng phải cúng lễ nhưng chủ yếu do nhà nội là chính, chị không được nói với ai, việc này

chỉ có tôi với chị biết thôi” và bảo bà L chuẩn bị tiền cúng lễ. Do không biết số điện thoại và nghĩ người gọi điện thoại là mẹ đẻ của chị Nhàn nên bà L nói hiện bà chỉ có năm triệu đồng. N vẫn tự nhận là mẹ đẻ của chị Nhàn và nói tiếp “năm triệu đồng cũng được, chị ra chợ mua thêm 03 tập giấy tiền mã, 01 kg gạo, 10 quả trứng, 05 quả cam, riêng số tiền 5.000.000 đồng chị cho vào túi bóng đen, chị cứ chuẩn bị, khi nào đi lễ em gọi điện thoại sau”; bà L tin tưởng và chuẩn bị lễ theo lời dặn. Khoảng 14h30’ cùng ngày, N vẫn tự nhận là mẹ đẻ của chị Nhàn gọi điện thoại cho bà L và nói “chị mAg đồ ra chùa khác xã để lễ”; bà L nói “có chùa Nậu ở xã Đông Kinh rất thiêng”. N đồng ý rồi đi xe máy ra dừng tại gốc cây ven đường đứng chờ sẵn ở vị trí đủ để qua sát người ra vào chùa. Một lúc sau N thấy bà L đi xe đạp điện chở đồ lễ đến, N gọi điện thoại bảo bà L để lễ ở vị trí cách cổng chùa 100 mét, bà L làm theo lời N, đặt lễ tại gốc cây Tùng cạnh mương nước, cách cổng chùa khoảng 100 mét. N tiếp tục gọi điện thoại cho bà L hỏi “có ai đi theo không” bà L nói “không”. N bảo bà L tự lễ và khoảng 30 phút sau khi lễ xong thì mAg túi gạo đi rắc từ vị trí để lễ vào trong cổng chùa, không được quay đầu lại, rắc gạo xong thì vào chùa cúng lễ. Khi nhìn thấy bà L đi vào trong cổng chùa, N đến chỗ để đồ lễ, lấy túi bóng đen bên trong có 5.000.000 đồng bỏ vào túi và quay lại chỗ bA đầu đứng qua sát. Khi thấy bà L đi ra chỗ để lễ, N gọi điện thoại nói không được mở ra xem, mAg lễ về cất ở gầm giường. Bà L mAg lễ về để ở giường trong buồng. Khoảng 18h30’ cùng ngày, N vẫn tự nhận là mẹ đẻ của chị Nhàn gọi điện cho bà L bảo chuẩn bị mười triệu đồng để mai làm lễ tiếp. Bà L đã chuẩn bị mười triệu đồng nhưng do nghi ngờ nên bà kiểm tra túi lễ, phát hiện mất túi bóng màu đen bên trong có 5.000.000 đồng. Sau đó N gọi điện cho bà L nói đúng 12h ngày 04/7/2019, bà L cầm mười triệu đồng và túi đồ lễ lên thành phố Thái Bình để làm lễ. Bà L nói bị mất số tiền năm triệu đồng để ở trong lễ chiều nay, sợ bị phát hiện nên N tắt máy, không liên lạc lại với bà L.

Vụ thứ hai: Đầu tháng 7/2019, Nguyễn Thị N đến xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giả vờ hỏi thăm mua lá móc mật, mục đích để trộm cắp tài sản. Quá trình hỏi thăm mua lá móc mật N đến nhà bà Phạm Thị N sinh năm 1962 trú tại thôn Dục Linh 2, xã A, huyện Quỳnh Phụ; N tự giới thiệu mình đAg có thờ điện ở nhà, sau đó N hỏi mỗi quA hệ gia đình và cuộc sống của con bà N. Bà N nói có con gái là Đỗ Thị N sinh năm 1986 đến nay vẫn chưa lấy chồng, N nói với bà N “con dâu bà ở nhà ăn ngữ nên con gái bà không lấy được chồng và muốn có cháu nội là cháu trai thì phải lễ cắt duyên âm, lễ cầu cháu trai”. Sau đó N xin số điện thoại của bà N. Ngày 07/7/2019, N gọi điện thoại từ số 0327904292 vào số máy 0982946305 của bà N hẹn gặp tại nhà bà N để bàn chuyện cúng lễ, bà

N đồng ý. Tại nhà bà N, N yêu cầu bà N chuẩn bị lễ cúng gồm hoa, quả, vàng mã, đôi bông tai vàng của bà N cùng số tiền 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, sắp lễ tại nhà vào ngày 08/7/2019, không nói với ai về việc này, bà N đồng ý. Khoảng 08h ngày 08/7/2019, N gọi điện thoại hướng dẫn bà N tự sắp lễ để ở trên bàn tại phòng khách tầng một, tiền và đôi bông tai vàng gói trong túi nilon màu đen đặt dưới tiền vàng mã rồi tự làm lễ. Trong thời gian bà N tự lễ, N điều khiển xe mô tô N hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6-405.67 đi từ xã Đ, huyện Đ đến và đứng ở phía ngoài nhà bà N qua sát. Đồng thời, N gọi điện thoại bảo bà N mở cửa hoa quả phía sau nhà để lễ. N dặn bà N mở cổng, cửa để khí âm thoát ra, nhốt chó vào trong chuồng để không nghe thấy tiếng chó sủa thì cúng lễ mới thiêng. Qua sát thấy bà N đi ra khỏi nhà, N đi xe máy vào trong sân, dựng xe trước cửa nhà rồi đi vào trong phòng khách mở gói túi nilon màu đen lấy 01 gói giấy lịch bên trong có 02 vòng tròn vàng đường kính 1,8cm và 1,6cm cùng 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, N bỏ vào túi bên trái áo chống nắng đang mặc trên người. Sau đó N đi vào phòng ngủ tầng một, thấy có chiếc tủ gỗ không khóa, N mở cánh tủ lấy một hộp tròn màu đỏ bên trong có 01 kiềng vàng đeo cổ hình tròn, 01 lắc vàng phía ngoài có hình bông hoa, phía trong có dòng chữ “TTS hai chỉ TQ hai chỉ”, 01 nhẫn vàng hình tròn phía trong có dòng chữ “Luân ♥♥ A 9-12” 01 nhẫn vàng hình tròn phía trong có dòng chữ “Luân-A 9-12”, 01 dây chuyền vàng trên khóa có chữ “HOAI”. N bỏ chiếc hộp trên vào cặp quần trước bụng và đi ra chỗ dựng xe máy thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công An tỉnh Thái Bình bắt quả tang.

Bản kết luận giám định số 4169/C09(P4) ngày 05/8/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công An, kết luận:

+ 01 (một) vòng đeo tay (có chốt mở) hình tròn bằng kim loại màu vàng có khắc hoặc tiết hình bông hoa, mặt trong của vòng có khắc chìm các chữ, số “TTS HAI CHỈ TQ 2 CHỈ” gửi giám định có tổng khối lượng 17,69 gam là vàng (Au); hàm lượng trung bình Au 99,36%

+ 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác kiểu mắt xích, trên một mắt xích cạnh móc khóa có khắc chìm chữ “HOAI” gửi giám định có tổng khối lượng 9,43gam là vàng (Au); hàm lượng Au 90,18%. Ngoài ra còn có các nguyên tố bạc (Ag), đồng (Cu), niken (Ni), hàm lượng trung bình Ag 4,06%, Cu 4,36%, Ni 1,40%

+ 02 (hai) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, mặt trong của nhẫn đều có khắc chìm các chữ, số “Luân A 9-12” gửi giám định có tổng khối lượng 3,35gam đều

là hợp kim vàng (Au), bạc (Ag), đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình Au 57,12%, Ag 9,24%, Cu 29,90%, Zn 3,74%.

+ 01 (một) kiềng đeo cổ hình tròn (có chốt mở) bằng kim loại màu vàng có khắc họa tiết hình các bông hoa, trên kiềng có khắc chìm các chữ, số “TTS Thái 30 Ba chỉ” gửi giám định có tổng khối lượng 35,20 gam (tính cả lõi); phần vỏ ngoài kiềng bằng kim loại màu vàng là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au 99,30%.

+ 02 (hai) chiếc khuyên tai kim loại màu vàng được chế tác dạng hình tròn tròn có khắc chìm các chữ, số “9999 1 CHỈ” gửi giám định có tổng khối lượng 3,74 gam đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình Au 98,60%;

Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình kết luận: Tài sản định giá theo đề nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình có giá là 35.970.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Cáo trạng số 39/CT-VKSTB ngày 27/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị N và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt Nguyễn Thị N mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019 được trừ đi 08 ngày tạm giữ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/7/2019, không tính thời gian trốn khỏi nơi giam giữ từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019 và áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 09 tháng tù chưa chấp hành của bản án số 67/HSST ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Ngoài ra còn đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 để xử lý vật chứng: Tịch thu đầu giá sung ngân sách 01 điện thoại di động N hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động OPPO F5, tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu nâu có quai đeo kim loại có kích thước 20x25 cm có dòng chữ “GG” đã cũ, trả lại cho bà Phạm Thị N 01 điện thoại Nokia 105 màu đen và trả lại xe mô tô N hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6-405.67 cho Ah Hoàng Văn Q.

Tại phiên tòa người bị hại là bà Phạm Thị L trình bày bị cáo và gia đình đã bồi thường đủ số tiền đã chiếm đoạt và bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà Phạm Thị N trình bày đã nhận lại toàn bộ tài sản do bị cáo chiếm đoạt và bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Ah Hoàng Văn Q trình bày chiếc xe máy N hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6-405.67 là tài sản chung của vợ chồng do Ah đi lao động gửi tiền về mua xe, Ah đề nghị Hội đồng xét xử trả lại để làm phương tiện đưa đón con cái. Bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, bị cáo nói lời sau cùng, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định Tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quA cảnh sát điều tra Công A tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng. Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tAg do Phòng Cảnh sát hình sự Công A tỉnh Thái Bình lập hồi 10h30' ngày 08/7/2019 tại nhà ở của bà Phạm Thị N, sinh năm 1962, trú tại thôn Dục Linh 2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A tỉnh Thái Bình lập hồi 12h50' ngày 08/7/2019; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A tỉnh Thái Bình lập hồi 14h ngày 15/8/2019 và bản vẽ sơ đồ hiện trường do bị cA Nguyễn Thị N tự vẽ; Các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu do Cơ quA Cảnh sát điều tra Công A tỉnh Thái Bình lập hồi 12h và 12h30' ngày 08/7/2019 thể hiện việc tạm giữ vàng, tiền, điện thoại trên người Nguyễn Thị N và quản lý xe mô tô N hiệu Airblade biển

kiểm soát 17B6-405.67; Biên bản kiểm tra điện thoại quản lý của Nguyễn Thị N do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15h05' và 13h40' ngày 08/7/2018 xác định chi tiết tin nhắn và lịch sử cuộc gọi đi, cuộc gọi vừa nhận; Công văn số 2102/CNVTKQĐ-TTKT ngày 19/8/2019 của Tập đoàn công nghiệp viễn thông Q đội về việc phúc đáp lệnh thu giữ điện tín số 38 ngày 06/8/2019.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7 năm 2019, Nguyễn Thị N làm quen với bà Phạm Thị L sinh năm 1964 trú tại thôn Đông Thượng Liệt, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và bà Phạm Thị N sinh năm 1962 trú tại thôn Dục Linh 2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Sau đó N nói người nhà bà L, bà N có vấn đề liên quan đến tâm linh, nếu muốn suôn sẻ thì phải cúng lễ và hướng dẫn việc sắp lễ phải có tiền, vàng, đặt lễ tại nơi không có người trông coi. Sau khi lễ xong, N yêu cầu người đặt lễ rời đi nơi khác và N trộm cắp số tiền, vàng trên mâm lễ. Với thủ đoạn trên, ngày 03/7/2019, tại khu vực chùa Nậu, xã Đông Kinh, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, N đã lấy của bà Phạm Thị L số tiền 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng); Ngày 08/7/2019, tại nhà bà Phạm Thị N, N đã lấy của bà N số tiền 5.000.0000 đồng (năm triệu đồng) cùng 01 (một) vòng vàng đeo tay có khối lượng 17,69 gam, 01 (một) dây chuyền vàng có khối lượng 9,43gam, 02 (hai) chiếc nhẫn vàng có khối lượng 3,35gam, 01 (một) kiềng đeo cổ vàng có khối lượng 35,20 gam, 02 (hai) chiếc khuyên tai vàng có khối lượng 3,74 gam. Số tiền và vàng N trộm cắp của bà N trị giá 35.970.000 đồng.

Tổng số tiền, vàng N trộm cắp của bà L và bà N trị giá 45.970.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nên hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị A tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả. Bị cáo có nhân thân xấu từng bị Tòa án xử phạt nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã bị kết án mà chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm, bị cáo có hai lần thực hiện hành vi phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo bồi thường cho bà Phạm Thị L 05 triệu đồng. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa người bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội trong thời giA được hoãn thi hành án nên bị cáo phải chấp hành tổng hợp hình phạt của hai bản án theo quy định được trừ đi thời giA tạm giữ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/7/2019. Do bị cáo bỏ trốn khỏi nơi giam giữ nên bị cáo không được tính thời giA trốn từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019 vào thời hạn chấp hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo đã trả cho bà Phạm Thị L 05 triệu đồng, số tiền và vàng trộm cắp của bà Phạm Thị N đã được Cơ quA điều tra quản lý, sau khi giám định và định giá, Cơ quA điều tra đã trả lại cho bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quA thu giữ của bị cáo N 01 điện thoại di động N hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động OPPO F5 là công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu đấu giá sung ngân sách nhà nước, ngoài ra còn thu giữ của bị cáo 01 túi xách màu nâu có quai đeo kim loại có kích thước 20x25 cm có dòng chữ “GG” đã cũ không còn

giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Cơ quA điều tra thu giữ của bà Phạm Thị N 01 điện thoại Noika 105 màu đen cần trả lại cho bà N. Đối với xe mô tô N hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6 – 405.67 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo để làm phương tiện đi lại, Ah Q là chồng bị cáo để cho bị cáo sử dụng đưa đón con nên không biết bị cáo đi phạm tội do vậy cần trả lại chiếc xe cho Ah Q như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quA có quyền kháng cáo và bị cáo phải chịu phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 50; khoản 2 Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 02 (*hai*) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số 67/HSST ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (*hai*) năm 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2019, được trừ đi thời giA bị tạm giữ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 15/7/2019, không tính thời giA bị cáo trốn khỏi Trại giam ThAh Phong từ ngày 10/9/2019 đến ngày 13/9/2019 vào thời giA bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu đấu giá sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động N hiệu Nokia màu đen có số IMEI1: 358993094401027, IMEI2: 358993095401026 và 01 điện thoại di động OPPO F5 có số IMEI1: 866468035593955, IMEI2: 866468035593948, tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu nâu có quai đeo kim loại có kích thước 20x25 cm có dòng chữ “GG” đã cũ. Trả lại cho bà Phạm Thị N 01 điện thoại Nokia 105 số IMEI: 353741086593214 màu đen và trả lại cho Ah Hoàng Văn Q 01 xe mô tô N hiệu Airblade biển kiểm soát 17B6 – 405.67 có số khung: RLHJF6325HZ252949 và số máy: JF63E-2303745

(Số vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận, bảo quản tAg vật, tài sản thi hành án ngày 27/9/2019 giữa Cơ quA cảnh sát điều tra công A tỉnh Thái Bình và Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 35, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị N, Ah Hoàng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 14/11/2019. Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- CA tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Duy Luân

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Luân